

10. PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 868	Ranh phường Thanh Hòa	Cầu Dừa	1.750
		Cầu Dừa	Trung tâm Cụm dân cư Mỹ Phước Tây (mặt tiền Đường tỉnh 868)	1.850
		Trung tâm Cụm dân cư Mỹ Phước Tây (mặt tiền Đường tỉnh 868)	Cầu Quán Oai	4.000
		Xung quanh nhà lồng chợ Mỹ Phước Tây		4.800
2	Đường tỉnh 865	Đường tỉnh 868	Ranh xã Tân Phước 2	1.750
3	Đường huyện 57 B	Cầu Ban Chón 2	Ranh xã Tân Phú	850
		Đường 3 tháng 2	Cầu 8 Lưu	1.500
		Cầu 8 Lưu	Cầu Ban Chón 1	1.250
		Cầu Ban Chón 1	Cầu Ban Chón 2	950
4	Đường Mỹ Phước Tây (Đường huyện 58)	Đường tỉnh 868	Cầu Xáng Ngang	1.800
		Khu vực dãy nhà phố xung quanh nhà lồng chợ Mỹ Hạnh Trung		2.200
		Cầu Xáng Ngang	Kênh Tháp Mười số 2 (Nguyễn Văn Tiếp)	1.250
5	Đường Sông Cũ (Đường huyện 59)	Toàn tuyến		1.550
6	Đường liên xã 4 xã (Đường huyện 58B)	Kênh Láng Cò (Phường 3)	Đường huyện 59	1.050
		Đường Bắc Sông Cũ	Đường huyện 59B	800
7	Đường Nam Nguyễn Văn Tiếp (Đường huyện 59B)	Kênh 12 - Đường tỉnh 868	Ranh xã Tân Phước 2	800
8	Các tuyến Đường trong khu dân cư Mỹ Phước Tây			1.150
9	Đường bắc Sông Cũ	Toàn tuyến		800
10	Đường Tây Xóm Chòi	Đường huyện 59	Đường huyện 57B	850

11	Đường Tây Láng Biển (Đường nhựa 3.5m)	Đường Bắc Sông Cũ	Kênh Nguyễn Văn Tiếp (Kênh Tháp Mười số 2)	750
12	Đường Tây Kênh Xáng Ngang (Đường BTCT 3.5m)	Chùa Khánh Long	Kênh Nguyễn Văn Tiếp (Kênh Tháp Mười số 2)	750
13	Đường Đông Kênh 12 (Đường BTCT 3m)	Đường Tây Kênh Xáng Ngang	Kênh Nguyễn Văn Tiếp (Kênh Tháp Mười số 2)	750
14	Đường Nam kênh Kháng Chiến (Đường nhựa 3.5m)	Ranh xã Thạnh Phú	Kênh Xáng Ngang	750
15	Đường Bà Tùng	Đường huyện 57C	Đường ấp 2 Tân Bình cũ	750
16	Tuyến tránh Đường tỉnh 868	Quốc lộ 1	Ranh phường Nhị Quý giáp xã Mỹ Hạnh Trung cũ	2.000
		Ranh phường Nhị Quý	Cầu Nàng Chung mới	1.600
17	Quốc lộ 1	Ranh phường Cai Lậy	Cầu Cai Lậy	13.800
18	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường 3 tháng 2	16.200
19	Đường 3 tháng 2	Phòng Thống kê	Cầu Sa Rài	14.600
		Cầu Sa Rài	Cầu Cà Mau	5.800
		Cầu Cà Mau	Cầu Tân Bình	1.800
20	Đường Tứ Kiệt	Cầu Tứ Kiệt	Đường 3 tháng 2	9.400
21	Đường Hồ Hải Nghĩa	Quốc lộ 1	Cầu Tứ Kiệt	6.850
		Cầu Tứ Kiệt	Đường 3 tháng 2	5.400
22	Đường Võ Thanh Tâm	Đường Thái Thị Kiều	Đường 30/4	10.100
		Đường 30/4	Đường 3 tháng 2	12.450
23	Đường Thái Thị Kiều	Toàn tuyến		7.200
24	Đường Đoàn Thị Nghị	Toàn tuyến		6.850
25	Đường Bến Cát	Đường 30/4	Đường 3 tháng 2	10.450
		Đường 3 tháng 2	Đường Trương Văn Diệp	6.850
26	Đường Võ Việt Tân	Giáp ranh phường Cai Lậy	Đường Cao Đẳng Chiếm	5.400
		Đường Cao Đẳng Chiếm	Kênh Láng Cò (Phường 3 cũ)	1.800

169

27	Đường Mỹ Trang	Đường Bến Cát	Đường Võ Việt Tân	1.800
		Đường Võ Việt Tân	Đường tránh 868	5.250
		Đường tránh 868	Đường huyện 53	4.150
28	Đường Trương Văn Sanh	Toàn tuyến		6.850
29	Đường Nguyễn Chí Liêm	Toàn tuyến		6.850
30	Đường Nguyễn Văn Chấn	Toàn tuyến		6.850
31	Đường Phan Việt Thống	Toàn tuyến		6.850
32	Đường Phan Văn Khỏe	Toàn tuyến		7.950
33	Đường Đặng Văn Thạnh	Đường Phan Văn Khỏe	Đường Trương Văn Điệp	7.950
34	Đường Mai Thị Út	Đường Cao Hải Đế	Đường Trương Văn Điệp	7.950
		Đường Trương Văn Điệp	Đường Võ Việt Tân	4.500
35	Đường Nguyễn Văn Lộc	Đường Phan Văn Khỏe	Đường Trương Văn Điệp	3.100
36	Đường Trừ Văn Thố	Đường Cao Hải Đế	Đường Trương Văn Điệp	3.800
37	Đường Nguyễn Văn Lo	Đường Phan Văn Khỏe	Đường Trương Văn Điệp	6.300
38	Đường Trần Xuân Hòa	Đường Phan Văn Khỏe	Đường Trương Văn Điệp	4.500
		Đường Trương Văn Điệp	Đường Lê Văn Phẩm	5.400
39	Đường Trương Văn Điệp	Đường Bến Cát	Cầu Trương Văn Điệp	7.050
		Cầu Trương Văn Điệp	Đường Đặng Văn Thạnh	6.850
		Đường Đặng Văn Thạnh	Đường Mai Thị út	7.950
		Đường Mai Thị út	Đến hết ranh trường Trừ Văn Thố	6.300
		Đoạn còn lại		4.500
40	Đường Cao Hải Đế	Toàn tuyến		3.100



Ng

41	Đường nối liền Thái Thị Kiều với Đường Hồ Hải Nghĩa (tiếp giáp công viên Trần Hữu Tám)	Toàn tuyến		7.200
42	Đường Cao Đăng Chiếm	Đường 3 tháng 2	Miếu Cháy	2.350
		Miếu Cháy	Kênh Hội Đồng	1.550
43	Đường vào ấp 2 xã Tân Bình cũ	Toàn tuyến		1.250
44	Đường bê tông 3m thuộc khu dân cư Phường 1 (thuộc các dãy AB1, BB1, BB2) cũ			1.800
45	Các Đường đan, nhựa còn lại $\geq 3m$ trong đô thị			1.000
46	Đường Ông Hiệu	Đường Hồ Hải Nghĩa	Đường 3 tháng 2	7.200
47	Đường 3 tháng 2	Quốc lộ 1	Chi cục Thống kê	14.400
48	Đường Bắc Cà Chuối	Đường 868	Kênh Tổng	1.000

